

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10- PHÚ THỌ

Bản án số: 23 /2025/HS-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- PHÚ THỌ

T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Học;

- Ông Bùi Văn Tám.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 30/6/1994 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: TDP Lạc Ý 1, phường Đ, T1 phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là TDP Lạc Ý 1, phường V, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ngói (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ: Phùng Thị Thanh H (đã ly hôn); có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2025 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam phân trại số 2, Công an tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2002; trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn P, xã Y, tỉnh Phú Thọ), có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1996; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Đông Lỗ 2, xã T, tỉnh Phú Thọ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/11/2024, Trần Văn T đến nhà ông Nguyễn Văn M để phục vụ đám cưới. Tại đây, T gặp anh Nguyễn Văn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 88H5- 8823 đến nhà ông M để phục vụ đám cưới. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, T hỏi mượn anh T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88H5 - 8823 để đi về nhà tắm giặt sau đó sẽ mang xe trả lại cho anh T. Do có quen biết từ trước nên anh T đồng ý cho T mượn xe. Sau khi mượn được xe, T không về nhà tắm giặt mà điều khiển xe đi đến quán hát Karaoke 168 ở xã xã Hoàng Hoa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ) để hát. Sau khi hát xong T thanh toán tiền hát hết số tiền cá nhân của mình. Lúc này, do không còn tiền nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88H5- 8823 của anh T1 để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Xuân H là người T quen biết từ trước để trao đổi về việc cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88H5-8823 thì anh H đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến khu vực ngã 5 thôn Trung Nguyên, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn Trung Nguyên, xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ) để gặp anh H. Tại đây anh H có kiểm tra xe mô tô do T mang đến và hỏi T là “chiếc xe mô tô này của ai, có giấy đăng ký xe không?”, T trả lời chiếc xe này là của anh trai ruột T, đăng ký để ở nhà không mang đi và muốn cầm cố chiếc xe này với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Anh H bảo chỉ đồng ý cho T cầm cố chiếc xe mô tô nêu trên với số tiền 3.000.000đ thì T đồng ý và thỏa thuận với tiền lãi là 850.000đ/01 tháng, khi nào chuộc xe thì T phải trả cho anh H. Sau đó, anh H đưa cho T 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền mặt, còn T giao lại xe mô tô và chìa khóa xe cho anh H giữ và quản lý. Đến buổi tối ngày 10/11/2024, anh T không thấy T trả xe mô tô nên đã trực tiếp đến nhà ở của T để đòi lại xe, đến nơi T nói với anh T xe máy đang để ở nhà người quen, hẹn ngày mai sẽ đến gặp và trả lại xe thì anh T1 đồng ý rồi đi về nhà. Đến hết ngày 12/11/2024, T không mang xe đến trả cho anh T1 như đã hứa hẹn nên anh T1 tiếp tục đến nhà ở của T để đòi xe thì T cho biết đã cầm chiếc xe của anh T1 cho anh H lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, anh T1 gọi liên hệ với anh H để chuộc lại xe mô tô của mình nhưng anh H không đồng ý vì không quen biết anh T1. Đến ngày 11/3/2025, sau nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà T để đòi lại xe nhưng không gặp được T nên anh T1 đã đến Công an xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Yên Lạc, tỉnh Phú Thọ) để trình báo sự việc trên. Sau khi nhận được tin báo về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức kiểm tra, xác minh theo quy định của pháp luật và tiến hành tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô BKS: 88H5-8823, nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu sơn nâu, sản xuất năm 2005, số khung HHAA08055Y751334, số máy HA08E0751216, xe không có gương chiếu H hai bên, không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng do anh Nguyễn Xuân H đã tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra xác minh sau khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô BKS: 88H5 – 8823 của anh T1 thì Trần Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương nơi cư trú. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập T nhiều lần nhưng T không có mặt tại địa phương. Ngày 04/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định truy tìm người số 2061/QĐ-VPCQCSĐT về việc truy tìm người đối với Trần Văn T. Ngày 06/7/2025, Trần Văn T đã đến Cơ quan điều tra làm việc, khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô 88H5- 8823 của anh T1 và mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân như nội dung nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL-HĐĐGTS đề ngày 25/3/2025, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88H5- 8823 nêu trên là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng chẵn).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo kết luận định giá nêu trên cho Trần Văn T và anh Nguyễn Văn T1, cả hai đều đồng ý, không có ý kiến thắc mắc gì.

Đối với anh Nguyễn Xuân H quá trình nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88H5-8823 cho Trần Văn T thì anh H không biết chiếc xe trên do T phạm tội mà có. Do vậy, hành vi của anh H không cấu T1 tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với việc anh H đồng ý cho T cầm cố chiếc xe mô tô với số tiền 3.000.000 đồng, lãi xuất 850.000đ/01 tháng. Trong thời gian cầm cố xe T chưa đóng khoản tiền lãi nào cho anh H nên không có căn cứ truy thu số tiền thu lợi bất chính. Quá trình xác minh, xác định anh H chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép, đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ mà thực hiện hành vi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề đầu T kinh doanh có điều kiện. Hành vi của H đã vi phạm theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Nghị định 98/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 26/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Ngày 29/8/2025 Chủ tịch UBND xã Yên Lạc đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Xuân H về hành vi “Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề đầu T kinh doanh có điều kiện mà không có giấy phép kinh doanh theo quy định” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 98/2020/NĐ-CP với số tiền là 12.500.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88H5-8823, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T1. Ngày 08/7/2025, anh Nguyễn Văn T1 có đơn xin lại tài sản nên ngày 08/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản trên cho anh T1. Nhận lại tài sản, anh T1 không yêu cầu ai phải đền bù và không có ý kiến thắc mắc gì.

Đối với chiếc điện thoại Trần Văn T sử dụng để gọi cho anh Nguyễn Xuân H, do hết tiền tiêu xài nên T đã bán cho một người đàn ông không quen biết để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do thời gian đã lâu nên T không nhớ bán cho ai, vào thời gian và bán được bao nhiêu tiền nên khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc biển kiểm soát của xe mô tô 88H5-8823 trong lúc nhận cầm cố xe thì anh H đã tháo và làm thất lạc, đến thời điểm hiện tại chưa tìm thấy để nộp lại cho Cơ quan điều tra. Quá trình làm việc anh Nguyễn Văn T1 là chủ sở hữu của chiếc biển kiểm soát nêu trên xin tự khắc phục tự khắc phục và không có đề nghị gì. Do vậy cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 06/7/2025, Trần Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 3.000.000 đồng là tiền T đã cầm cố chiếc xe mô tô, BKS: 88H5- 8823. Ngày 25/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản với số tiền 3.000.000đ cho anh Nguyễn Xuân H, anh H đã nhận lại tài sản trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm nữa và không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại Cáo trạng số: 13/CT-VKSKV 10 ngày 10/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Phú Thọ đã truy tố Trần Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (15/7/2025).

Bị cáo Trần Văn T không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội và H quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 10/11/2024, tại nhà ông Nguyễn Văn M ở thôn Phú Cường, xã Yên Lạc, tỉnh Phú Thọ, do có quen biết từ trước với anh Nguyễn Văn T1 nên Trần Văn T đã hỏi mượn anh T1 xe mô tô BKS: 88H5-8823 để đi về nhà tắm giặt. Sau khi mượn được xe T không về nhà mà điều khiển xe đi đến quán hát Karaoke 168 ở xã Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ để hát. Sau khi hát xong, do hết tiền tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh T1 để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. T mang chiếc xe mô tô BKS: 88H5-8823 cầm cố cho anh Nguyễn Xuân H trú tại thôn Đông Lỗ 2, xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ được 3.000.000đ. Sau khi thấy T không mang trả xe mô tô cho mình thì anh T1 đã nhiều lần đến gặp và gọi điện cho T để đòi xe nhưng T không trả và bỏ trốn. Ngày 11/3/2025 anh T1 đến Cơ quan công an trình báo sự việc. Trị giá chiếc xe mô tô trên là 12.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã cấu T1 tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người đã T1 niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính mà đã lạm dụng lòng tin của người bị hại để mượn xe mô tô sau đó sử dụng vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không trả được tài sản.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương nên việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở T1 người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 06/7/2025, Trần Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 3.000.000 đồng là tiền T đã cầm cố chiếc xe mô tô, BKS: 88H5- 8823. Ngày 25/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản với số tiền 3.000.000đ cho anh Nguyễn Xuân H, anh H đã nhận lại tài sản trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm nữa và không có ý kiến thắc mắc gì.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 15/7/2025).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10- Phú Thọ;
- CQĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam phân trại số 2, CA tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng

